TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do –Hạnh phúc

Bản án số: 33/2022/DSST
Ngày 30/5/2022
"V/v kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Bá Tuyên và bà Hồ Thị Thu Uyển
- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Võ Thị Nhàn
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa:* Ông Thái Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/5/2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 52/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2022. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/QĐST-DS ngày 13/05/2022 về việc "*kiện đòi tài sản*" giữa :

- Nguyên đơn: Đặng Hương D (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Nguyễn Thị T (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong Đơn khởi kiện, Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai tại phiên tòa chị Đặng Hương D trình bày: Vào tháng 1 năm 2020 chị Đặng Hương D và chị Nguyễn Thị T góp vốn tỷ lệ mỗi người 50% để mở Trung tâm gia sư N tại Sài Gòn với tổng giá trị đầu tư ban đầu 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*), hàng tháng để phát triển trung tâm với tổng đầu tư khoảng 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) đến 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*)/tháng để chạy quảng cáo thuê nhân viên tổng chi phí từ tháng 1 năm 2020 đến tháng 10 năm 2020 khoảng 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*).

Tháng 7 giữa chị Đặng Hương D và chị Nguyễn Thị T tiếp tục mở thêm trung tâm ngoại ngữ N tại thị trấn A , huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo tỷ lệ góp vốn 50-50% với tổng giá trị 160.000.000đ (*Một trăm sáu mươi triệu đồng)*. Trong quá trình góp vốn để đầu tư mở trung tâm ngoại ngữ N, Chị T có hỏi chị D vay số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) để đủ số tiền góp vốn. Ngày 06/07/2020 chị D có chuyển cho chị T vay số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*). Tuy nhiên chị T chuyển 94.200.000đ (*Chín mươi tư triệu hai trăm nghìn đồng*) vốn mỗi người góp vào 50-50% (tức mỗi người 50.000.000đ (*Năm mươi triệu* đồng), chị D 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*), còn của chị T 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*), chị D chuyển cho chị T mượn 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*), nhưng phần của chị T mua vật tư xây dựng số tiền hết 6.800.000đ (*Sáu triệu tám trăm nghìn đồng*). Nên trừ số tiền chị T mua vậy liệu ra, nên chị D chuyển cho chị T 94.200.000đ (*Chín mươi tư triệu hai trăm đồng*). Trong đó: chị D chuyển cho chị T mượn 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*).

Tháng 10/2020 giữa chị D và chị T bất đồng quan điểm trong công việc nên chị D và chị T quyết định ngừng hợp tác với nhau và chia theo tỷ lệ 50-50% (theo tỷ lệ góp vốn). Trong quá trình chia tài sản Công ty chị T có tham khảo và định giá tài sản. Trung tâm N tại Sài Gòn 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*), trung tâm ngoại ngữ N tại thị trấn A được định giá 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*). Ngày 07/10/2020 chị T đưa phương án chia tài sản như sau: chị T lấy trung tâm tại Sài Gòn 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu*), chị D lấy trung tâm tại thị trấn A, huyện Đ giá trị 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*). Mặc dù giá trị trung tâm ngoại ngữ thị trấn A, huyện Đ thấp hơn trung tâm tại Sài Gòn. Nhưng chị T vẫn đồng ý phương án và chị T đồng ý trả cho chị D 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) tiền vay để góp vốn làm ăn Việc chị T còn nợ chị D thể hiện qua hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ trung tâm ngoại ngữ N, chị T còn nợ chị D số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) được xác lập ngày 07/10/2020 được UBND thị trấn A, huyện Đ công chứng theo quy định của pháp luật. Nhưng chị D đã đòi nhiều lần nhưng chị T không trả, chị D nhắn tin cho chị T yêu cầu trả, nhưng chị T nhắn tin khất hoài, chị T vẫn không trả nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị T phải trả cho chị D số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triêu đồng*).

Đối với bị đơn: quá trình giải quyết vụ án chị T cho rằng trong Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ trung tâm ngoại ngữ N, chị T còn nợ chị D số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) được xác lập ngày 07/10/2020 không phải là chữ ký của chị T, chị T yêu cầu trưng cầu giám định.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập chị T đến Tòa án làm việc nhiều lần để làm rõ và tiến hành đối chất theo quy định của pháp luật, đồng thời Tòa án thông báo cho chị T biết đến Tòa án làm việc để lấy mẫu chữ ký và làm thủ tục để trưng cầu

gián định theo quy định của pháp luật, nhưng chị T vẫn không đến tòa án làm việc. Tòa án đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần để hòa giải nhưng chị T vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình; Bị đơn không chấp hành, vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do nên HĐXX xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

- Thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu tại thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*). Vì vậy, đây là tranh chấp dân sự, quan hệ pháp luật *"kiện đòi tài sản"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hiệu khởi kiện, căn cứ các Hợp đồng được xác lập ngày 07/10/2020. Do vậy còn trong thời hiệu khởi kiện.

- Căn cứ mở phiên tòa: Bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai áp dụng điểm b khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm với Kiểm sát viên, tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp hợp đồng xác lập ngày 07/10/2020 được UBND thị trấn A, huyện Đ công chứng theo quy định của pháp luật, chị D cung cấp cho Tòa án bản gốc là có thật. Đối với chị T cho rằng trong Hợp đồng số tiền

50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) xác lập ngày 07/10/2020 không phải chữ ký của chị T, chị T yêu cầu trưng cầu giám định nên Tòa án đã gửi thông báo cho chị T đến tòa án để lấy mẫu chữ ký và làm đơn yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký theo quy định của pháp luật, nhưng chị T vẫn không đến Tòa án làm Việc. Do vậy Tòa án tiến hành giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do vậy xét yêu cầu của chị D yêu cầu chị T phải trả số tiền cho chị D là có căn cứ.

Từ những căn cứ nêu trên: Xét thấy yêu cầu của chị D yêu cầu chị T trả lại số tiền cho chị T 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) là có căn cứ nên cần chấp nhận. Buộc chị T phải trả cho chị D số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*).

[3].Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá gạch đối với số tiền 50.000.000 đồng x 5% = 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Do yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí mà chị Đặng Hương D đã nộp số tiền tạm ứng án phí;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Điều 357 BLDS năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc chị Nguyễn Thị T phải trả cho chị Đặng Hương D số tiền là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật chị Đặng Hương D có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị T không trả cho chị D thì phải chịu lãi suất chậm trả theo điều 357 BLDS năm 2015.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm buộc chị Nguyễn Thị T phải nộp 2.500.000 đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho chị Đặng Hương D số tiền: 1.250.000đ (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) mà chị D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001271 ngày 27/01/ 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhậnđược bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã Ký)

Nguyễn Thị Lan

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.